

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 11 - 2019

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quốc Tuấn;

2. Bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị S, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn (thôn V cũ), xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 7 C (xóm 1 C cũ), xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt: Chị S, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/5/2019, bản tự khai của chị Đỗ Thị S; lời khai của anh Phạm Văn T cùng các tài liệu, chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị S và anh Phạm Văn T lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, anh chị chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến ngày

18/02/2008 anh, chị mới đến Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Theo chị Đỗ Thị S trình bày: Sau khi cưới vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm (đến năm 2007) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T hay chơi cờ bạc, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không nghe dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau; một nguyên nhân nữa là do anh T không tin tưởng chị mà hay ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, anh T chửi bới, xúc phạm chị. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 03/2019, thời điểm này chị đang làm công nhân tại thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam, anh T đến phòng trọ đánh chửi chị trước mặt nhiều người, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Anh Phạm Văn T cho rằng: Vợ chồng anh sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến tháng 4/2019 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị S đi làm công nhân tại thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam, chị S đi làm một tháng mới về nhà một đến hai lần không quan tâm đến chồng con, khi anh xem điện thoại thì phát hiện chị S nhắn tin hẹn hò đi nhà nghỉ với người đàn ông làm nghề cắt tóc ở cùng xóm trọ với chị S, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, anh xác định vợ chồng sống ly thân kể từ ngày 30/4/2019 cho đến nay. Mặc dù chị S phản bội anh nhưng vì con cái anh sẽ bỏ qua để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con. Vì vậy, anh không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

- *Về con chung*: Chị S, anh T có 02 con chung là cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 28/5/2007 và cháu Phạm Thị Mai L, sinh ngày 07/01/2013, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Nếu vợ chồng ly hôn, chị S đề nghị được nuôi dưỡng cháu T; anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Các đương sự không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Cháu Phạm Thanh T có nguyện vọng xin được ở với anh T.

- *Về tài sản và các vấn đề khác*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C xác định chị S, anh T có vay vốn của Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền 49.000.000 đồng, chương trình vay hộ cận nghèo, thời hạn vay từ ngày 17/11/2017 đến ngày 17/11/2020. Chị S, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ.

Toà án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hoà giải, anh T có mặt và trình bày quan điểm của mình, các đương

sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau khi nghe Tòa án thông qua các biên bản anh T không ký biên bản hòa giải.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, chị Đỗ Thị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn T và thay đổi quan điểm giải quyết về con chung, đề nghị được nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Mai L; giao anh T nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh T, không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Các vấn đề khác chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn, anh Phạm Văn T đề nghị vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp ly hôn đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị S khai báo không trung thực về thời gian kết hôn (kết hôn năm 2008, chị S khai 2006); bị đơn tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không ký biên bản, vắng mặt phiên tòa ngày 31/10/2019 là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị S và anh Phạm Văn T. Về con chung, đề nghị giao cháu Phạm Thị Mai L cho chị S nuôi dưỡng; giao anh T nuôi dưỡng cháu Phạm Thanh T; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các vấn đề khác do các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Đỗ Thị S cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị S và anh Phạm Văn T chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng đến ngày 18/02/2008 khi đủ các điều kiện và theo đề nghị của anh, chị đã được Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam chứng nhận kết hôn, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều va chạm, mâu thuẫn. Chị S cho rằng anh T chơi bời cờ bạc, ghen tuông vô cớ dẫn đến đánh chửi chị; anh T thì trình bày chị S không quan tâm, chăm sóc chồng con, có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Nguyên nhân và thời điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn các bên đưa ra là khác nhau nhưng thực tế cuộc sống giữa chị S và anh T đã không còn hạnh phúc, anh chị đều xác định vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến hạnh phúc chung, anh T có nguyện vọng đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết vụ án anh T đều không ký các biên bản làm việc, không hợp tác với Tòa án. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị S, anh T có hai con chung là cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 28/5/2007 và cháu Phạm Thị Mai L, sinh ngày 07/01/2013, các bên có tranh chấp về việc nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T trình bày hiện anh làm nông nghiệp có chỗ ở và thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi cả hai con chung; chị S hiện đang làm công nhân tại thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam, thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng. Xét về thực tế, chị S và anh T đều có đủ điều kiện nuôi con, cháu T có nguyện vọng được ở với bố, để đảm bảo quyền được nuôi con của cả chị S và anh T cũng như đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho cháu T và cháu L được ăn học đầy đủ. Hội đồng xét xử thấy nên giao cháu L cho chị S nuôi dưỡng; giao cháu T cho anh T uôi dưỡng như đề nghị của chị S là phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về công nợ: Chị S, anh T nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện L số tiền 49.000.000 đồng, chương trình vay hộ cận nghèo, thời hạn vay từ ngày 17/11/2017 đến ngày 17/11/2020. Chị S, anh T và Ngân hàng chính sách huyện L đã có Công văn số 267/NHCS-KNTC ngày 04/10/2019 đều không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết về công nợ trong vụ án này, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị S phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị S và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Mai L, sinh ngày 07/01/2013 cho chị Đỗ Thị S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 28/5/2007 cho anh Phạm Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị S phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2015/0003493 ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã C;
- Đường sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu: hồ sơ + văn phòng.

Đỗ Quốc Huy